

Số: 04/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
và năm 2019 chuyển sang năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020 (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020 như sau:

1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 11,032 tỷ đồng của 06 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 05 dự án thuộc Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý (*kèm theo Phụ lục I*);

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 101,141 tỷ đồng của 30 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 18 dự án thuộc Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết (*kèm theo Phụ lục II*).

2. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 chuyển sang năm 2020

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1,929 tỷ đồng của 10 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 04 dự án thuộc Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý (*kèm theo Phụ lục III*);

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 12,457 tỷ đồng của 19 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 08 dự án thuộc Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết (*kèm theo Phụ lục IV*).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 04 /NQ-HĐND ngày 10 /7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bù từ tài khoản công đức hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giá giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú thích
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 (+/-) 18/-19	21	22
	TỔNG SỐ					4.270.179	2.047.817	300.814	29.891	1.835.231	1.231.172	1.347.709	870.174	800.345	684.597	684.597	11.032	11.032	684.597		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN					290.844	97.804	70.877	-	105.047	65.047	65.618	28.044	22.000	22.000	22.000	-	-	22.000		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					290.844	97.804	70.877	-	105.047	65.047	65.618	28.044	22.000	22.000	22.000	-	-	22.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau			7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008, 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877	-	38.580	38.580	18.418	15.844	10.600	10.600	10.600			10.600		Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ương cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	280	283	7626031	243/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867		7.867	7.867	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	280	281	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	7.000		22.000	7.000	20.000	5.000	2.000	2.000	2.000	2.000			2.000		Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020			75199744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357		36.600	11.600	25.200	5.200	6.400	6.400	6.400	6.400			6.400		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
B	GIAO THÔNG					2.307.803	826.495	192.564	16.664	618.177	267.081	836.849	433.753	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					2.307.803	826.495	192.564	16.664	618.177	267.081	836.849	433.753	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317	45.753	45.753	15.000	15.000	15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Đen - Rạch Ràng - Sông Đốc)			7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012, 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	1.521.792	593.000	100.000	-	481.096	160.000	764.096	371.000	283.000	211.000	211.000			211.000		Sở Giao thông Vận tải

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lấy kế vốn bộ từ kho công dân hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giá ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)			
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đi biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Dê Bắc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tân Thới Vàm Dê Bắc)			7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	113.550	75.900	-	13.800	3.800	13.800	3.800	1.500	1.500			1.500		Sở Giao thông vận tải
4	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thới Bình			7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000			35.000	15.000	10.000	10.000	3.000	3.000			3.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
5	Tuyến đường bộ Tây kinh Kiên Lâm, thị trấn Cái Bôi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.964	14.964			14.964	14.964	3.200	3.200	9.000	9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	HÀ TĂNG ĐỒ THỊ					651.252	183.353	24.146	-	206.985	67.770	35.229	28.364	29.300	29.300	33.360	4.060	0	33.360	
I	Dự án chuyển tiếp					642.400	174.201	24.146	-	198.833	59.618	34.877	28.012	25.300	25.300	25.560	260	0	25.560	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau			292	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862		14.862	14.862	2.839	2.839	5.300	5.300			5.300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cai Nước (đoạn từ cầu Tân chính đến cầu Đền thờ Bắc Bô)			292	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886		10.886	10.886	8.038	8.038	2.500	2.500			2.500		Ủy ban nhân dân huyện Cai Nước
3	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huê), huyện Ngọc Hải			292	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310		8.310	8.310	4.000	4.000	3.500	3.500	3.760	260	3.760	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hải
4	Dự án đường dẫn nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quang trường vận hóa trung tâm (Khu C)			292	7565716	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558		25.560	25.560	9.381	9.381	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
5	Dự án Cai tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau			7007279	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.784	99.585	24.146		139.215		10.619	3.754	1.000	1.000			1.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	Dự án khởi công năm 2020					9.152	9.152	-	-	8.152	8.152	352	352	4.000	4.000	7.800	3.800	0	7.800	
1	Bổ kế từ công Rạch Ràng đến Trụ sở Công an huyện Trảng Ván Thới			7635201	221/QĐ-UBND ngày 25/3/2017	9.152	9.152			8.152	8.152	352	352	4.000	4.000	7.800	3.800	0	7.800	Bổ sung vốn đầy nhanh vốn đã hoàn thành trong năm 2020
D	HÀ TĂNG KHU CÔNG NGHIỆP					4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	4.495	0	95	4.495	
I	Dự án khởi công năm 2020					4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	4.495	0	95	4.495	
1	Dự án đầu tư xây dựng mới đường dẫn trung tâm 3 pha đường NT (thuộc bản khai) Khai công nghiệp Khai/Đu			309	7766120	90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590		4.590	4.590			4.590	4.590	4.495		95	4.495	Công trình đã hoàn thành, không còn nhu cầu thanh toán vốn
E	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903	
I	Dự án chuyển tiếp					26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903	
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020			7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990			24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903		9.903		Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lý do vốn bổ sung so với kế hoạch vốn trung gian năm 2015				Kế hoạch vốn trung gian năm 2016 - 2020				Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019				Kế hoạch vốn năm 2020 đã bổ trợ				Ước giá giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (tỷ đồng)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú thích
					Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)		Tăng (+)	Giảm (-)			
G	KHỎI BĂNG, NHÀ NƯỚC					866.129	807.845	13.227	13.227	759.376	705.628	347.504	317.504	304.448	288.700	276.846	572	4.426	276.846											
I	Dự án chuyển tiếp					802.289	744.005	13.227	13.227	695.536	641.788	346.172	316.172	270.448	246.700	242.846	572	4.426	242.846											
1	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng		341	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	5.646	5.646	26.733	26.733	21.704	21.704	5.000	5.000	5.000								5.000						Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau		341	7580170	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227			389.000	389.000	222.121	222.121	136.000	136.000	136.000								136.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh		341	7605693	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510			12.510	12.510	11.259	11.259	1.200	1.200	1.200								1.200						Ủy ban nhân dân huyện U Minh
4	Mở rộng Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau		341	7655288	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017; 150/QĐ-SXD ngày 06/6/2019	6.186	6.186			2.500	2.500	2.400	2.400	3.500	3.500	3.500								3.500						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân		341	7618945	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908			14.433	14.433	5.577	5.577	8.000	8.000	8.000								8.000						Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân		341	7685901	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930			14.930	14.930	4.200	4.200	9.000	9.000	9.000								9.000						Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh		341	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616			7.833	7.833	4.200	4.200	3.500	3.500	3.500								3.500						Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		341	7679836	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897			13.772	13.772	4.200	4.200	9.000	9.000	9.572	572							9.572						Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trụ sở hành chính xã Dã Mỏ, huyện Năm Căn		341	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920			14.920	14.920	5.200	5.200	8.000	8.000	6.334	1.666							6.334						Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
10	Trụ sở hành chính xã Đông Thời, huyện Cái Nước		341	7659860	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485			14.485	14.485	6.612	6.612	7.500	7.500	7.500								7.500						Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hải		341	7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285			7.285	7.285	5.200	5.200	2.000	2.000	1.740	260							1.740						Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hải
12	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân		341	7653356	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554			4.554	4.554	2.200	2.200	2.000	2.000	2.000								2.000						Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
13	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau		341	7358582	1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	93.266	39.518	7.581	7.581	63.748	10.000	32.000	2.000	33.748	10.000	10.000								10.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
14	Công trình dân sự xây dựng 03 Nhà nghỉ nổi bộ Tỉnh ủy		341	7673230	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309			36.415	36.415	10.149	10.149	12.000	12.000	9.500	2.500							9.500						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
15	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau		341	7618682	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704			14.704	14.704	4.150	4.150	10.000	10.000	10.000								10.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
16	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường		341	7573814	1789/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127			57.714	57.714	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000								20.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	Dự án khởi công mới năm 2020					63.840	63.840	-	-	63.840	63.840	1.332	1.332	34.000	34.000	34.000	0	0												
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh		341	7816947	315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217			14.217	14.217			5.000	5.000	5.000								5.000						Ủy ban nhân dân huyện U Minh

TT	Danh mục dự án	Loại	Khu	Mã dự án	Quy định phê duyệt đầu tư		Lập kế vốn bổ từ từ kho công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bổ từ		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)	Giảm (-)						
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu định cư Làng nghề thuộc Công viên văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau		341	775813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019	13.912	13.912		13.912	13.912			13.000	13.000	13.000			13.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Trụ sở hành chính xã Lương Tế Trín, huyện Cai Nước		341	7720568	301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701		13.701	13.701	570	570	4.000	4.000	4.000			4.000	Ủy ban nhân dân huyện Cai Nước	
4	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		341		333/QĐ-SXD ngày 23/10/2019	14.758	14.758		14.758	14.758	762	762	6.000	6.000	6.000			6.000	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
5	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính		341	7790919	368/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252		7.252	7.252			6.000	6.000	6.000			6.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
II	QUỐC PHÒNG - AN NINH					122.740	102.740	-	-	116.066	96.066	42.519	42.519	60.000	40.000	46.500	6.400	0	46.400	
I	Dự án chuyển tiếp					104.854	84.854	-	-	99.969	79.969	41.569	41.569	52.000	32.000	38.500	6.400	0	38.400	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường mầm non, Trường trung học huyện BCHQS tỉnh Cà Mau		7004686		1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000		26.000	6.000			26.000	6.000	6.000			6.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020		7004692		1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	49.157	49.157		44.569	44.569	31.569	31.569	10.000	10.000	13.000	3.000		13.000	Bộ sung vốn để hoàn thành dự án	Công an tỉnh Cà Mau
3	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau		7004692		1822/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697		29.400	29.400	10.000	10.000	16.000	16.000	19.500	3.400		19.400	Bộ sung vốn để hoàn thành dự án	Công an tỉnh Cà Mau
II	Dự án khởi công mới năm 2020					17.886	17.886	-	-	16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000	0	0	8.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đê Bạt, Đê Bô, Hồ Gai và Khánh Hội		7004686		1813/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	17.886	17.886		16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000			8.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành cho Đê B	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					-	-	-	-	-	-	-	-	8.665	8.665	6.606	2.059	6.606	Sơ kế hoạch và Đầu tư trình phân khai	
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau												51	51	51			51	Sơ Tài nguyên và Môi trường	
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cai Nước												200	200	200			200	Ủy ban nhân dân huyện Cai Nước	
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Tân Hưng, huyện Cai Nước												400	400	400			400	Ủy ban nhân dân huyện Cai Nước	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An												300	300	300			300	Ban Quản lý Khu kinh tế	
5	Tuyến đường trình cho thi triển U Minh, huyện U Minh (phần còn lại tuyến đường)												800	800	800			800	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Khánh Lâm, huyện U Minh												600	600	600			600	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
7	Đoạn đường từ cầu Ông Khon và Nguyễn Phích đến chợ Vàm Cai Tàu xã Khánh An, huyện U Minh												700	700	700			700	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bỏ ra từ khi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đề giat ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 để bù lại		Ước giat ngân kế hoạch vln năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức đầu tư
					Số QĐ, nghị, thông năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)	Giảm (-)							
8	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Cà Mau			7817446	1675/UBND-XD ngày 13/3/2019									800	800	800			800	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
9	Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách xã Dã Mồi, huyện Ngọc Hân			7784237										155	155	155			155	Sở Giao thông vận tải	
10	Trụ sở hành chính phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau													300	300	300			300	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
11	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc, huyện Thới Bình													600	600	600			600	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
12	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình													600	600	600			600	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
13	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình													600	600	600			600	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
14	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời													500	500	500			500	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
15	Dự phòng													2.059	2.059	0	2.059	0			
K	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050													20.000	20.000	15.448	4.452	15.548	Dạng trình TTCP phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	
L	CHI TRẢ NỢ GỐC ĐẾN HẠN NĂM 2020													29.939	29.939	29.939			29.939	Sơ Tài chính thực hiện thủ tục chi trả theo quy định	



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lý do vốn bổ trợ từ nguồn công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Dự giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bổ trợ		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh tư
					Số QĐ, nghị quyết năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Tổng (+)	Tổng (-)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 - (16 - 18) - 19	21	22
	TỔNG SỐ					6.528.134	2.654.592	244.891	75.152	3.708.436	2.192.055	1.428.020	723.516	1.678.955	900.485	900.485	101.141	101.141	900.485		
A	LĨNH VỰC Y TẾ					834.121	690.529	55.391	55.391	504.049	504.049	276.221	266.221	241.946	195.000	184.519	9.864	20.345	184.519		
I	Dự án chuyển tiếp					648.907	592.015	55.391	55.391	407.506	407.506	276.221	266.221	165.946	119.000	101.255	2.500	20.245	101.255		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng			7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	25.000	25.000	25.000			25.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau			7570996	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2137/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	194.762	137.870			59.087	59.087	41.700	31.700	66.946	20.000	0	20.000	0		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407			43.566	43.566	33.816	33.816	4.500	4.500	4.255	245	4.255		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Nhà Kĩ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907			105.907	105.907	62.697	62.697	29.500	29.500	32.000	2.500	0	32.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198			77.578	77.578	20.300	20.300	40.000	40.000	40.000			40.000	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
II	Dự án khởi công mới năm 2020					185.214	98.514	0	0	96.543	96.543	0	0	76.000	76.000	83.264	7.364	100	83.264		
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện San - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	423	132	7757509	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863			8.863	8.863			8.000	8.000	8.000			8.000	Bệnh viện San - Nhi Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện San - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)				1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219			37.364	37.364			30.000	30.000	37.364	7.364		37.364	Bệnh viện San - Nhi Cà Mau	
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho bệnh viện đa khoa Cà Mau				1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016			40.016	40.016			30.000	30.000	30.000			30.000	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
4	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đẻ máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch			7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116			2.000	2.000			2.000	2.000	1.900	100	1.900		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (từ dự án vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)				6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	95.000	8.300			8.300	8.300			6.000	6.000	6.000			6.000	Sở Y tế	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (tính ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú thích
					Số QĐ, nghị định, thông tư ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)		Tăng (+)	Giảm (-)			
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ BẢO TÀO					436.111	436.111	-	-	427.989	427.989	107.024	107.024	251.206	251.206	241.271	6.551	16.489	241.271	
1	Dự án chuyển tiếp					172.039	172.039	0	0	166.262	166.262	107.024	107.024	47.800	47.800	50.542	6.150	3.408	50.542	
1	Trường Trung học cơ sở Bình Văn Dũ, huyện Ngọc Hân	073	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565			11.677	11.677	7.977	7.977	1.800	1.800	3.700	1.900		3.700	Bổ sung vốn thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân
2	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hân	073	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970			8.997	8.997	6.297	6.297	2.000	2.000	2.700	700		2.700	Bổ sung vốn thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân
3	Trường THCS Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thuận Bình	073	7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693			14.693	14.693	5.000	5.000	7.000	7.000	5.800		1.200	5.800	Giảm giá gói thầu sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bình
4	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	073	7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864			14.864	14.864	12.000	12.000	2.500	2.500	1.805		695	1.805	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
5	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia	073	7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	22.898	22.898			20.609	20.609	14.000	14.000	6.600	6.600	6.600			6.600	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
6	Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	073	7718858	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018 114/QĐ-SXD ngày 10/5/2019	12.377	12.377			12.377	12.377	10.000	10.000	2.000	2.000	1.201		799	1.201	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
7	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	073	7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272			13.272	13.272	11.000	11.000	2.000	2.000	1.329		671	1.329	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
8	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước	073	7749540	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678			13.550	13.550	7.000	7.000	3.000	3.000	6.550	3.550		6.550	Dự án hoàn thành cần bổ sung để quyết toán	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước	073	7728614	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999			12.500	12.500	10.000	10.000	2.500	2.500	2.500			2.500	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
10	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	073	7743388	372/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.959	14.959			14.959	14.959	11.500	11.500	3.400	3.400	3.357		43	3.357	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhị, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	073	7741354	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.707	14.707			14.707	14.707	6.125	6.125	8.000	8.000	8.000			8.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
12	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	073	7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.057	14.057			14.057	14.057	6.125	6.125	7.000	7.000	7.000			7.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
II	Dự án khởi công mới năm 2020					264.072	264.072	0	0	261.727	261.727	0	0	203.400	203.400	190.729	401	13.072	190.729	
1	Trường TH-THCS Trần Thời, huyện Cái Nước	073	7790917	341/QĐ-SXD ngày 26/10/2019	13.765	13.765			13.765	13.765			10.000	10.000	10.000			10.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2	Trường TH-THCS Đông Hưng, huyện Cái Nước	073	7802412	321/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.470	12.470			12.470	12.470			10.000	10.000	10.000			10.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
3	Trường THCS Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	073	7822451	348/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	11.980	11.980			11.980	11.980			10.000	10.000	6.900	3.100		6.900	Không giải ngân hết KHV do KLHT không đảm bảo	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Bình Văn Dũ, huyện Ngọc Hân	073	7813755	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937			3.937	3.937			3.500	3.500	3.500			3.500	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân	
5	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hân	073	7812437	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949			5.949	5.949			5.400	5.400	5.400			5.400	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân	
6	Trường THCS xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hân	073	7811623	357/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.946	10.946			10.946	10.946			9.500	9.500	5.000	4.500	5.000	5.000	Không giải ngân hết KHV do KLHT không đảm bảo	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân
7	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lộc Đông, huyện Thuận Bình	073	7799592	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701			14.701	14.701			13.000	13.000	13.000			13.000	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bình	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ thời điểm đầu năm 2015				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019				Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí				Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (tới ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đã vượt điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú thích	
					Số QĐ, nghị định, quyết định, thông tư ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Trong đó vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Trong đó vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Trong đó vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Trong đó vốn XSKT	Tổng số tài sản các nguồn vốn	Tăng (+)	Giảm (-)													
8	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thái Bình			073	7799955	139/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960			14.960	14.960			14.960	14.960			13.000	13.000		13.000						13.000	Ủy ban nhân dân huyện Thái Bình		
9	Trường THCS thị trấn Thái Bình, huyện Thái Bình			073	7799993	138/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970			14.970	14.970			14.970	14.970			13.000	13.000		13.000						13.000	Ủy ban nhân dân huyện Thái Bình		
10	Trường THCS Nguyễn Văn Tố, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh			073	7816618	130/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	8.925	8.925			8.925	8.925			8.925	8.925			4.000	4.000		4.000						4.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
11	Trường TH-THCS Nguyễn Bình Khiêm, xã Khánh Lâm, huyện U Minh			073	7816920	14/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.950	14.950			14.950	14.950			14.950	14.950			5.000	5.000		5.000						5.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Dầm Dơi			073	7799949	120/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	9.024	9.024			9.024	9.024			9.024	9.024			8.500	8.500		8.530	30					8.530	Đã thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu	Ủy ban nhân dân huyện Dầm Dơi	
13	Trường THCS Thái Phong, xã Ta An, phường Đông, huyện Dầm Dơi			073	7812189	118/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065			8.065	8.065			8.065	8.065			7.000	7.000		6.928					72	6.928	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Dầm Dơi	
14	Trường THCS Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Dầm Dơi			073	7810138	132/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815			9.815	9.815			9.815	9.815			9.000	9.000		7.600					1.400	7.600	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Dầm Dơi	
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Dầm Dơi, huyện Dầm Dơi			073	7791527	137/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875			9.875	9.875			9.875	9.875			9.000	9.000		9.371	371					9.371	Đã thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu	Ủy ban nhân dân huyện Dầm Dơi	
16	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trấn Yên, Thái Bình			073	7808861	160/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997			8.997	8.997			8.997	8.997			8.000	8.000		8.000						8.000	Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên, Thái Bình		
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trấn Yên, Thái Bình			073		164/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819			7.819	7.819			7.819	7.819			7.000	7.000		7.000						7.000	Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên, Thái Bình		
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khâm, huyện Phú Tân			073	7826309	152/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878			14.878	14.878			14.878	14.878			13.000	13.000		13.000						13.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân			073	7826308	158/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985			11.985	11.985			11.985	11.985			10.000	10.000		10.000						10.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
20	Trường THPT Phan Ngọc Hân, huyện Năm Căn			073	7781478	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443			21.098	21.098			21.098	21.098			12.000	12.000		10.000					2.000	10.000	Nhu cầu thanh toán khối lượng trong năm 2020 khoảng 10 tỷ đồng	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
21	Trường THPT Võ Thị Hồng, huyện Trấn Yên, Thái Bình			073	7717858	125/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976			14.976	14.976			14.976	14.976			10.000	10.000		8.000					2.000	8.000	Nhu cầu thanh toán khối lượng trong năm 2020 khoảng 10 tỷ đồng	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
22	Trường THPT Huỳnh Phú Hàng, huyện Trấn Yên, Thái Bình			073	7781479	126/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	5.015	5.015			5.015	5.015			5.015	5.015			4.500	4.500		4.500						4.500	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO		
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Dầm Dơi			073	7781477	122/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627			12.627	12.627			12.627	12.627			9.000	9.000		9.000						9.000	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO		
C. LINH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI							176.374	163.515	21.780	19.761	151.289	138.430	53.354	53.354	49.489	45.800	45.800	0	0	45.800							0	0	45.800		
I. Dự án chuyên cấp							105.655	103.655	21.780	19.761	79.970	79.970	53.354	53.354	11.600	11.600	11.600	0	0	11.600							0	0	11.600		
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)			7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216	15.430	15.430	4.700	4.700	4.700	4.700			4.700								4.700	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tàn tật tỉnh Cà Mau			7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			16.389	16.389	11.449	11.449	4.900	4.900	4.900	4.900			4.900								4.900	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hai Yên - Bình Hàng			7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019	-	43.365	43.365	26.475	26.475	2.000	2.000	2.000	2.000			2.000								2.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
II. Dự án khởi công mới năm 2020							71.319	58.460	0	0	71.319	58.460	0	0	37.889	34.200	34.200	0	0	34.200							0	0	34.200		
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700			29.875	20.700					10.700	10.700		10.700						10.700	Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quốc định phê duyệt đầu tư		Lý do vốn bổ từ khoi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư
					Số QĐ, nghị, thông năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSCT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSCT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)	Giảm (-)						
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thuận Bình			7807092	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260		15.000	15.000	15.000			15.000	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bình	
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Trường đại Khon nghĩa Hòa Khau, huyện Năm Căn			7796342	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500		12.189	8.500	8.500			8.500	Hội trợ nghĩa sách huyện Năm Căn	
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					443.534	391.064	5.802	-	366.274	357.816	159.518	151.060	128.900	128.900	121.900	6.000	13.000	121.900	
d)	Dự án chuyển tiếp					253.997	201.527	5.802	-	194.203	185.745	158.219	149.761	36.900	36.900	29.900	0	7.000	29.900	
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cầu Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tổ)			7007534	614/QĐUBND ngày 08/04/2014	126.362	73.892	5.802		73.892	73.892	73.892	73.892	8.000	8.000	8.000			8.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Công trình đầu tư xây dựng mở đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			26.078	26.078	21.669	21.669	2.900	2.900	2.900		2.900	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đền Thị Tướng, huyện Trần Văn Thôn			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832	24.200	24.200	11.000	11.000	7.000	4.000	7.000	Phường An GPM&B của Long Trường chun phê duyệt nên chut có mặt bằng thi công	
4	Cầu qua sông Cái Dồi Vàm, huyện Phú Tân			7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943	38.458	30.000	15.000	15.000	12.000	3.000	12.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
A)	Dự án khởi công mới năm 2020					189.537	189.537	-	-	172.071	172.071	1.299	1.299	92.000	92.000	92.000	6.000	6.000	92.000	
1	Cầu bắc ngang sông Cù Tân, huyện U Minh			7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058	412	412	30.000	30.000	30.000		30.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Dầm Dơi			7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068	429	429	20.000	20.000	20.000		20.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Cầu Cồn Nấm và cầu Kênh Dưng, huyện Trần Văn Thôn			7652205	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782	458	458	20.000	20.000	14.000	6.000	14.000	Điều chỉnh chủ trương đầu tư	
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến giáp đường công khai Đền Dạm), huyện U Minh			7734354	1357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742			22.267	22.267		15.000	15.000	19.000	4.000		19.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Cầu Đinh Hạng trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân An, huyện Ngọc Hân			7794716	1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896		7.000	7.000	9.000	2.000		9.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân	
E	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					2.933.080	277.090	30.000	-	1.526.290	335.172	608.785	101.832	911.596	163.761	138.797	12.036	37.000	138.797	
d)	Dự án chuyển tiếp					2.914.378	358.388	30.000	0	1.507.588	316.470	608.785	101.832	895.596	147.761	128.761	10.000	37.000	128.761	
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	280	284	7027480	1614/QĐ-UBND ngày 30/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.163	21.048			54.889	19.354		54.835	19.300	19.300			19.300	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020			Nhiều công trình	515/QĐ-UBND ngày 28/7/2019; 1900/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	80.440	6.198			6.198	6.198		6.000	6.000	6.000			6.000	Bổ trí sử dụng năm 2019 và năm 2020	
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thuy lợi phục vụ môi trường thụ sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000			474.000	21.000	210.531	9.000	192.000	12.000	12.000		12.000	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lấy kế vốn bổ trợ từ kho công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bỏ ưi		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)		Đã xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Châu đầu tư	
					Số QĐ, nghị, thông năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)					
4	Dự án hỗ trợ kỹ thuật và nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	280	283	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013, 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	12.950	12.950	9.950	0	3.000	9.950	Do điều chỉnh cắt giảm một số hạng mục không còn phù hợp với thực tế	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Dự án xây dựng kế tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây	280	283	7738766	1741/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	252.899	12.000			252.887	12.000	120.780	-	132.107	12.000	0	0	0	12.000	0	Tập trung giải ngân kế hoạch vốn ODA (vốn đã ứng sẽ giải ngân trong năm 2021, 2022)	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Dự án trồng rừng phòng hộ ven sông, gây bồi tạo bãi trồng rừng cửa sông, ven biển	280	282	7738767	1740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	179.579	18.000			178.673	18.000	80.000	-	98.673	18.000	0	0	0	18.000	0	Tập trung giải ngân kế hoạch vốn ODA (vốn đã ứng sẽ giải ngân trong năm 2021, 2022)	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	280	282	7536253	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000		51.378	2.000	51.212		2.000	2.000	2.000			2.000		Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, củng cố nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu sông hợp và sinh kế bền vững DBSCL - ICRL"	280	284	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000			341.645	90.000	7.143	7.143	227.120	12.000	22.000	10.000	0	22.000	0	Khả năng thực hiện cao hơn so với Kế đã giao	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	280	283	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/7/2018, 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	81.587	1.983			1.983	1.983	689	689	511	511	511			511		Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10	Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đa rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	280	284	7731818	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	28.560			16.284	16.284			9.000	4.000	0	0	0	4.000		Ban CPO Lâm nghiệp và đầu tư vốn Quốc tế	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dự án đầu tư xây dựng Kế cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau			7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016, 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651			64.651	64.651	78.000	30.000	140.400	29.000	29.000			29.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
12	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau				Các Quyết định	135.794	65.000			65.000	65.000	45.000	45.000	20.000	20.000	20.000	0	0	20.000			
Trung địa																						
12.1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn			7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	17.665	19.392		17.665	17.665	12.665	12.665	5.000	5.000	5.000			5.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
12.2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thoi			7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711	18.583		27.050	27.050	12.050	12.050	15.000	15.000	15.000			15.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
8)	Dự án khởi công mới năm 2020					18.782	18.782	-	-	18.782	18.782	-	-	16.000	16.000	18.836	2.836	0	18.836			
1	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt cấp trung xã Hiệp Thuận, huyện Năm Căn	280	311	7778006	244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440			14.440	14.440			12.000	12.000	13.842	1.842	0	13.842		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Thụ xã Vườn Quốc gia U Minh hạ và lập địa mới tuyến sông kinh T19	280	311	7753191	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262			4.262	4.262			4.000	4.000	4.194	194	0	4.194		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
G	CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG					596.283	596.283	131.828	-	370.299	66.353	179.500	407	65.000	65.000	99.782	44.782	10.000	99.782			

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguồn nhân lực dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư	
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Tăng (+)	Giảm (-)							
a) Dự án chuyển tiếp																					
1	Cầu qua sông Tắc Thu thuộc đường Vĩnh dài 1, thành phố Cà Mau			7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301	131.828	-	343.946	48.000	179.893	-	48.000	48.000	63.429	33.429	16.000	63.429	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Hố lạng ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Tre			7498224	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	115.525			89.755		89.755			10.143	10.143		10.143	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngã Quyền, thành phố Cà Mau	292	7404890	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828	82.020	15.000	39.500			15.000	15.000	38.286	23.286		38.286	Thanh toán theo khối lượng	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
b) Dự án khởi công mới năm 2020																					
1	Cây Cầu Dương, thị trấn Dăm Dơi, huyện Dăm Dơi			7799948	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027			26.353	26.353	407	407	25.000	25.000	36.353	11.353	-	36.353	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Dăm Dơi
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiền (núi dãi), huyện Phú Tân			7603666	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	44.350	15.000	15.000	407	407	15.000	15.000	25.000	10.000			25.000	Bổ sung vốn địa phương cấp công trình	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
H VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																					
						1.108.631	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	11.684	6.000	4.316	11.684		
1	Dự án báo cáo, tiến độ và phát hiện giá trị lịch sử các địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương các Miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tại Cà Mau giai đoạn 1			7285907	05/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	46.845								500	500	0	0	500	Do điều chỉnh vị trí đất triển khai dự án, không có nhu cầu sử dụng vốn trong năm	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau				540/TB-VP ngày 27/3/2020									650	650	650		650	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Dự án Khu xử lý nước thải tập trung các Khu công nghiệp: Khánh An, Hòa Trung và Sông Đốc - Tỉnh Cà Mau													500	500	0	500	Đang trình để xuất tư vấn dự án ODA, chưa có nhu cầu thành toán	Ban Quản lý các dự án ODA và NGO		
4	Dự án xây dựng tuyến đường từ xã Tân Trung (đầu xã đường Lương Tấn Trắc - Dân Đạo) đến đường trục chính Đông Tây			7817443	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	44.035								900	900	470	470	470	Đang lập BCĐXCTDT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 430 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông			7817445	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844								300	300	288	12	288	Đang lập BCĐXCTDT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 288 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
6	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thu - Rạch Ràng - Sông Đốc đoạn qua núi ở thị trấn Tân Thuận (từ cầu Rạch Ràng đến đường số 11)			7817444		38.438								500	500	276	224	276	Đang lập BCĐXCTDT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 276 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
7	Dự án đoạn từ cầu Xóm Ruộng đến cầu Rạch Sao, huyện Dăm Dơi				611/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876								900	900	400	500	400	Đang lập BCĐXCTDT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 400 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Bến cá Hố Cui				8469/UBND-XĐ ngày 13/11/2019	60.821								900	900	400	500	400	Đang lập BCĐXCTDT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 400 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vọng xoay đến Vạm Xương Cầu Ngai), huyện Năm Căn													500	500	500		500	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	 Định mục dự án	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do về đã giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giá giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú giải từ	
					Số QĐ, nghị- thông năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)				
					1	2	3		4	5	6	7	8	9		10	11				12

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, nghị, thông năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
I	Dự án chuyển tiếp					68.936	67.405	0	56.415	56.415	40.499	40.499	327	327	0	0	327	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm ứng dụng Khoa học, công nghệ cho hệ sinh thái nước ngọt			7472270	1139/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	29.473	29.473		18.525	18.525	15.347	15.347	62	62	0		62	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020			7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990		24.990	24.990	14.913	14.913	77	77	0		77	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau
3	Dự án đầu tư xây dựng một, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã			7618363	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	12.942		12.900	12.900	10.149	10.149	188	188	0		188	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Sở Thông tin và Truyền thông
II	Dự án khởi công mới năm 2019					6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	4.076	0	0	4.076		
1	Dự án "Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trung tâm kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020"			7738768	1773/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.928	6.928		6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	4.076		4.076	0		Sở Tài nguyên và Môi trường
F	KHOI ĐĂNG, NHÀ NƯỚC					69.546	69.546	0	66.204	66.204	34.290	34.290	1.829	1.829	2.020	362	171	2.020		
I	Dự án khởi công mới năm 2019					69.546	69.546	0	66.204	66.204	34.290	34.290	1.829	1.829	2.020	362	171	2.020		
1	Xây dựng một công, hàng rào trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau			7705952	597/QĐ-UBND ngày 06/4/2018, 122/QĐ-SXD ngày 15/5/2019	1.652	1.652		1.489	1.489	1.318	1.318	171	171	0		171	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Trụ sở hành chính phường 1, thành phố Cà Mau	361		7619588	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.558	13.558		13.558	13.558	11.530	11.530	590	590	590		590			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
3	Hội trường và Khối đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi				400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	7.742	7.742		7.742	7.742	7.240	7.240	70	70	432	362	432			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
4	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hải			7682985	423/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.285	7.285		7.000	7.000	4.254	4.254	746	746	746		746			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hải
5	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy			7373320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	0	36.415	36.415	9.948	9.948	252	252	252		252			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
G	AN NINH - QUỐC PHÒNG					172.938	157.670	0	11.299	11.299	52.044	52.044	14.607	14.607	14.701	94	0	14.701		
1	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư					161.462	146.194	0	0	0	42.266	42.266	13.125	13.125	13.125	0	0	13.125		
a)	Dự án chuyển tiếp					161.462	146.194	0	0	0	42.266	42.266	13.125	13.125	13.125	0	0	13.125		
1	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau			7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927				29.801	29.801	11.599	11.599	11.599		11.599			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn			7004686	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	15.267				12.465	12.465	1.526	1.526	1.526		1.526			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư					11.476	11.476	0	11.299	11.299	9.778	9.778	1.482	1.482	1.576	94	0	1.576		
a)	Dự án chuyển tiếp					6.480	6.480	0	6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	786	40	0	786		
f	Xây dựng một Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch TràoĐồn Biên phòng Đất Mũi			7004686	1485/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	6.480	6.480		6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	786		786			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
b)	Dự án khởi công mới năm 2019					4.996	4.996	0	4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	790	54	0	790		
1	Xây dựng một Trạm Kiểm soát Biên phòng Hạm MũiĐồn Biên phòng Khánh Tân			7004686	1481/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	4.996	4.996		4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	790	54		790		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú thích
					Số QĐ, nghị, thông tư ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=15+17-18	20	21
H	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					0		0	0		0		200	200	0	0	200	0		
I	Dự án đầu tư xây dựng Khu chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (giai đoạn 3)												200	200	0		200	0	Do đang làm thủ tục điều chỉnh lại quy mô nên khu năng không giải ngân kịp	Sở Khoa học và Công nghệ
I	THANH TOÁN KHỎI LƯỢNG TỒN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN												581	581	0		581	0	Không có nhu cầu tư dụng	Sở Tài chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục IV
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/1/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chiếm mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn dự án ngân tư đầu tiên năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Dự án ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giá ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chưa điều chỉnh
					Số QĐ, nghị, thông năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XS-KT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XS-KT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XS-KT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19 = (15 - 17) - 18	20	21
	TỔNG SỐ					1.886.609	874.553	0	1.362.351	818.994	863.879	593.321	47.764	51.206	51.206	12.457	12.457	51.206		
A	LĨNH VỰC Y TẾ					287.198	267.198	0	273.737	253.737	112.854	112.854	27.217	27.217	31.810	7.825	3.332	31.810		
I	Dự án chuyển tiếp					154.314	154.314	0	149.473	149.473	96.001	96.001	7.818	7.818	12.547	7.825	2.296	12.547		
1	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407		43.566	43.566	27.304	27.304	4.018	4.018	1.722	2.296		1.722	Dự án sắp hoàn thành, không có nhu cầu giải ngân thêm vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Nhà Kĩ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907	0	105.907	105.907	62.697	62.697	3.000	3.000	10.825	7.825		10.825	Bổ sung vốn dây chuyền tiến độ dự án	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	Dự án khởi công mới năm 2019					132.884	112.884	0	124.264	104.264	22.853	22.853	20.199	20.199	19.263	0	936	19.263		
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP HCM giai đoạn 2016 - 2020					113.527	93.527		104.907	84.907	5.306	5.306	19.839	19.839	19.263		576	19.263		
	Trong đó:																			
1.1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau (chính diện và vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020)			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
1.2	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau (chính diện và vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2016-2020)			7684304	1315/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	27.329	7.329		27.329	7.329	4.269	4.269	576	576			576	0	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống máy lạnh trung tâm, khử khuẩn phòng mổ, mở rộng Khoa Hồi sức tích cực và chống độc, mua máy lọc thận nhân tạo			7708611	1228/QĐ-UBND ngày 07/8/2018	19.357	19.357		19.357	19.357	17.547	17.547	360	360			360	0	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ BẢO VỆ					284.960	284.960	0	265.266	265.266	234.569	227.011	6.795	6.795	8.164	3.182	1.811	8.164		
I	Dự án chuyển tiếp					134.993	134.993	0	128.047	128.047	128.428	112.870	1.961	1.961	816	0	1.145	816		
1	Khối 10 phòng học và Khu biểu bộ Trường THPT Tân Bình, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)			7618680	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675	14.675		14.675	14.675	13.903	13.903	272	272	0		272	0	Đang trình hồ sơ quyết toán; không có nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Tập sở Sơ Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau			7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 và quyết định (điều chỉnh) số 914/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	48.444	48.444		48.131	48.131	45.868	38.310	402	402	172		230	172	Đang lập hồ sơ quyết toán; không có nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Xây dựng và sửa chữa Trường THCS - THPT Vam Đình, huyện Phú Tân			7618679	1814/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	17.325	17.325		15.593	15.593	15.389	15.389	204	204	0		204	0	Đang trình hồ sơ quyết toán; không có nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng

TT	Danh mục dự án	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đã xuất trình chứng từ kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức vụ
					Số QĐ, nghị, thông tin ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)		Giảm (-)				
4	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	073		7653357	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651	13.651		13.651	13.651	12.644	12.644	7	7	0		7	0	Công trình đã hoàn thành, để nghỉ các giám sát do dự án	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
5	Trường THCS Trần Quốc Toản, xã Thanh Phú, huyện Cầu Ngang	073		7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930	14.930	0	14.500	14.500	13.675	13.675	825	825	442		383	442	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang
6	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn	073		7668831	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998	14.998		14.998	14.998	12.151	12.151	49	49	0		49	0	Công trình đã hoàn thành, để nghỉ các giám sát do dự án	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
7	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	073		7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970		6.499	6.499	6.798	6.798	202	202	202			202		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
II Dự án khởi công mới năm 2019						149.967	149.967	0	137.219	137.219	114.141	114.141	4.834	4.834	7.350	3.182	666	7.350		
1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hân	070	074	7707936	307/QĐ-SXD 19/10/2018	7.178	7.178		7.178	7.178	6.516	6.516	662	662	640		22	640	Điều chỉnh giá gói thầu	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phú Hưng, huyện Trần Văn Thới			7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272		13.272	13.272	10.745	10.745	255	255	255			255		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
3	Trường Trung học cơ sở Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thới			7742164	344/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	12.920	12.920		12.920	12.920	10.672	10.672	28	28	0		28	0	Công trình đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thới
4	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thới			7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.448	11.448		11.448	11.448	9.576	9.576	786	786	786			786		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thới
5	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Dân Dền	073		7748378	399/QĐ-SXD 31/10/2018	14.961	14.961	0	14.500	14.500	14.437	14.437	63	63	366	303		366	Thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Dân Dền
6	Xây dựng sửa chữa Trường Trung học cơ sở xã Dải Mũi, huyện Ngọc Hân			7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.485	5.485		4.810	4.810	3.194	3.194	1.616	1.616	1.000		616	1.000	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân
7	Trường Trung học cơ sở Bông Ván Dĩa, huyện Ngọc Hân			7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.564	12.564		9.800	9.800	7.977	7.977	23	23	23			23		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hân
8	Trường THCS Biên Bạch, xã Biên Bạch, huyện Thới Bình	073		7724330	357/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.099	14.099		12.450	12.450	11.500	11.500			950	950		950	Thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
9	Trường THCS Biên Bạch Đông, xã Biên Bạch Đông, huyện Thới Bình	073		7724331	360/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.699	14.699		11.100	11.100	10.500	10.500			600	600		600	Thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
10	Trường THCS Tân Lộc Bắc, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình	073		7721528	345/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	8.114	8.114		5.650	5.650	5.300	5.300			350	350		350	Thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
11	Trường THCS Đặng Tấn Trứ, xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân			7724329	298/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	11.190	11.190		10.596	10.596	10.000	10.000			596	596		596	Thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
12	Trường THCS Việt Khai, xã Nguyễn Việt Khai, huyện Phú Tân			7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925		9.383	9.383	9.000	9.000			383	383		383	Thành toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
13	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hỷ, xã Khánh Thuận, huyện U Minh			7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112		14.112	14.112	4.724	4.724	1.401	1.401	1.401			1.401		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
C. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI						15.142	4.785	0	15.142	4.785	4.733	4.733	17	17	0	0	17	0		
D. Dự án chuyển tiếp						15.142	4.785	0	15.142	4.785	4.733	4.733	17	17	0	0	17	0		
1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Ngã tư 1 xã huyện Trần Văn Thới (Ngã tư tách đầu tư rời địa phương)			7011808	1636/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	15.142	4.785		15.142	4.785	4.733	4.733	17	17	0		17	0	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thới
D. LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU						1.299.309	317.610	0	808.206	295.206	511.723	248.723	13.735	13.735	11.230	1.450	3.955	11.230		
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới					326.927	268.212	0	249.458	249.458	216.012	216.012	9.048	9.048	7.543	1.450	2.955	7.543		

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vắn dự án ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)		Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú giải từ	
					Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn XSKT		Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tài ca các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
a)	Dự án chuyển tiếp					282.669	228.297	0	214.258	214.258	192.923	192.923	7.937	7.937	6.432	1.450	2.955	6.432				
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tổ)			7007534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	71.990		71.990	71.990	62.215	62.215	775	775	775				775		Uy ban nhân dân huyện U Minh	
2	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhá Dừa, xã Tân An, huyện Ngọc Hiển			7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	14.899	14.899		10.290	10.290	10.290	10.290	2.037	2.037	121		1.916		121		Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Uy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
3	Xây dựng mới 04 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Tiến, huyện U Minh			7657727	580/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	10.145	10.145		10.145	10.145	9.194	9.194	51	51	0		51		0		Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Uy ban nhân dân huyện U Minh
4	Tuyến đường vào trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, huyện U Minh			7640724	392/QĐ-SGTVT ngày 04/6/2017	14.958	14.958		14.958	14.958	13.684	13.684	224	224	0		224		0		Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Uy ban nhân dân huyện U Minh
5	Cầu Đường Kéo thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển			7638797	1802/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	41.164	41.164		39.748	39.748	38.984	38.984	764	764	0		764		0		Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
6	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Khánh Niêm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	906/QĐ-UBND ngày 30/05/2019	28.976	28.976		24.569	24.569	17.448	17.448	4.086	4.086		4.086			4.086		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
7	Dự án XD mới 03 cầu (cầu Xi Tộc, cầu Trung Đoàn và cầu Công An) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn			7362293	568/QĐ-UBND ngày 03/4/2019	46.165	46.165		42.558	42.558	41.108	41.108				1.450	1.450		1.450		Dự án đã hoàn thành, bổ sung vốn thanh toán khối lượng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b)	Dự án khởi công mới năm 2019					44.258	39.915	0	35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111	0	0	1.111				
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thù Tượng, huyện Tân Yên Thời			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	39.915		35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111				1.111		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
II	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu					972.382	49.398	0	558.748	45.748	295.711	32.711	4.687	4.687	3.687	0	1.000	3.687				
a)	Dự án chuyển tiếp					89.394	35.993	0	485.343	32.343	224.304	21.304	2.689	2.689	2.689	0	0	2.689				
1	Đổi tên Dự án "Nguồn lợi ven biển và sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	280	284	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343		11.343	11.343	10.400	10.400	943	943	943				943		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau			7005987	549/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	84.348	3.650				3.373	3.373	277	277	277				277		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000		474.000	21.000	210.531	7.531	1.469	1.469	1.469				1.469		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
b)	Dự án khởi công mới năm 2019					74.988	13.405	0	73.405	13.405	71.407	11.407	1.998	1.998	998	0	1.000	998				
1	Dự án xây dựng Kê cấp bách bao vệ đê biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ công Sào Lưới đến Bắc công Đê Đục và đoạn từ Nam Đê Đục hướng về Kênh Môn)	280	284	7700726	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	13.405		73.405	13.405	71.407	11.407	1.998	1.998	998			1.000	998		Dự án đang trong giai đoạn thanh quyết toán	Ban Quản lý các dự án ODA/NGO
E	THANH TOÁN KHỎI LƯỢNG TỐN BỘNG SAU QUYẾT TOÁN														3.442	0	3.442	0		Điều chỉnh giảm để bổ sung vốn cho các dự án khác (KHV năm 2020 đã bỏ tỷ 20 tỷ đồng)	Số Tài chính	